

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP PHƯƠNG NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP PHƯƠNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG NAM GENERAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 1900678329

3. Ngày thành lập: 22/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 115, Đường 23/8, Phường 7, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0243.37711111

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa	0118
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
4.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
7.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
8.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
9.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
10.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
11.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
12.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
13.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
14.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
19.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Xây dựng nhà không để ở	4102
22.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4610
32.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
33.	Bán buôn thực phẩm	4632
34.	Bán buôn đồ uống	4633
35.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Doanh nghiệp cam kết không bán buôn: máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, phần mềm, đồ chơi, trò chơi có liên quan đến trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi điện tử máy bắn cá và các trò chơi tương tự trò chơi điện tử máy bắn cá như máy bắn chim, máy bắn thú...)	4659
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Trừ hoạt động bán buôn kim loại quý	4662
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh	4669
42.	Bán buôn tổng hợp (Doanh nghiệp cam kết không bán buôn: máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, phần mềm, đồ chơi, trò chơi có liên quan đến trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi điện tử máy bắn cá và các trò chơi tương tự trò chơi điện tử máy bắn cá như máy bắn chim, máy bắn thú...)	4690

43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Doanh nghiệp cam kết không bán lẻ: máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, phần mềm, đồ chơi, trò chơi có liên quan đến trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi điện tử máy bắn cá và các trò chơi tương tự trò chơi điện tử máy bắn cá như máy bắn chim, máy bắn thú...)	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
52.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Doanh nghiệp cam kết không bán lẻ: máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, phần mềm, đồ chơi, trò chơi có liên quan đến trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi điện tử máy bắn cá và các trò chơi tương tự trò chơi điện tử máy bắn cá như máy bắn chim, máy bắn thú...)	4764
53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
55.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Bốc xếp hàng hóa	5224
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
65.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

67.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Hoạt động theo quy định tại Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6810(Chính)
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: – Dịch vụ môi giới bất động sản; – Sàn giao dịch bất động sản. – Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản; – Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản; – Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư. (Hoạt động theo quy định tại Điều 62, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
69.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: – Hoạt động kiến trúc; – Hoạt động đo đạc bản đồ; – Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; – Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; – Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; – Thiết kế xây dựng công trình; – Thăm tra thiết kế, dự toán xây dựng; – Khảo sát xây dựng; – Giám sát thi công xây dựng công trình; – Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; – Tư vấn lựa chọn nhà thầu; – Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP và Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)	7110
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
73.	Đại lý du lịch	7911
74.	Điều hành tua du lịch	7912
75.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
76.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
77.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
78.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
79.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

80.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh	8299
82.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS	Số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	487.500	4.875.000.000	19,500	0105167581	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	487.500	4.875.000.000	19,500		

2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ FLC	Tầng 4, Tòa FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	475.000	4.750.000.000	19,000	0107729853	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	475.000	4.750.000.000	19,000		
3	NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG	Tổ 14, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.537.500	15.375.000.000	61,500	026172002937	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.537.500	15.375.000.000	61,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 04/01/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026172002937

Ngày cấp: 09/01/2020

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 14, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 14, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu